

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG- TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Oanh;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông và ông Nguyễn Xuân Trường;

Thư ký ghi phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 22-5-2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với:

- ***Bị cáo:*** **Phạm Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/9/1985; tại tỉnh K; Nghề nghiệp: Buôn bán; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Số Căn cước công dân 062085000896; con ông Phạm Gia X, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1959; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ Dương Thị T, sinh năm 1991, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không;

Về nhân thân: Tại bản án số 103/2024/HS-ST ngày 25-9-2014 của Tòa án nhân dân thành phố K, bị cáo Phạm Văn T bị xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án 25/9/2014. Đến ngày 01/02/2024 phạm tội, bị cáo T đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2024 đến ngày 08/3/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Phan Thị Ng, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Dương Thị T; sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K. có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 20 giờ 00 ngày 01/02/2024, thực hiện kế hoạch cao điểm tấn công trấn áp tội phạm tết nguyên đán năm 2024, Tổ công tác Công an huyện Ng nắm được thông tin về việc nghi vấn đối tượng Phạm Văn T, sinh năm 1985, chỗ ở tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành xác minh. Khoảng 20 giờ 15 cùng ngày, khi Tổ công tác đến làm việc tại chỗ ở của Phạm Văn T, còn có chị Dương Thị T, sinh năm 1991, là vợ của Phạm Văn T. Khi được Tổ công tác yêu cầu giao nộp đồ vật cấm, chất cấm (*nếu có*) thì T đã thành khẩn khai nhận đang cất giấu, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và tự nguyện lấy ra 02 gói ni lông trong suốt, bên trong có chứa ma túy, do T cất giấu trên thanh kim loại cửa phòng ngủ của T và giao nộp cho cơ quan Công an. Phạm Văn T khai nhận hai gói ni lông trên đều chứa ma túy, là của T cất giấu để sử dụng dần cho bản thân. Ngoài ra, T còn giao nộp một bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm một chai nhựa có nắp màu xanh, được đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh trong suốt và một ống hút màu đen và khai nhận đây là dụng cụ T chế tạo để hút ma túy trên. Tổ công tác đã đưa Phạm Văn T và vật chứng về trụ sở Công an huyện Ng để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tạm giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội như sau: Phạm Văn T là người có sử dụng ma túy loại Methamphetamine. Vào ngày 25/01/2024, bị cáo gặp một người có quen biết ngoài xã hội tên thường gọi là Duy không biết rõ nhân thân lai lịch. Duy cho Toàn hai gói ma túy gồm: Một gói ni lông chứa ma túy loại Methamphetamine là chất rắn dạng tinh thể màu trắng; một gói ni lông chứa hai viên ma túy tổng hợp hồng phiến, một viên có màu xanh, một viên có màu hồng. Bị cáo mang hai gói ni lông chứa ma túy này về nhà cất giấu trên thanh kim loại cửa phòng ngủ của mình để sử dụng dần. Bị cáo dùng nõ thủy tinh để chế tạo một bộ dụng cụ dự định để hút ma túy do Duy cho

nhưng chưa sử dụng để hút ma túy lần nào. Vào ngày 30/01/2024, bị cáo đã sử dụng một nửa viên ma túy tổng hợp màu xanh. Số ma túy còn lại T vẫn cất giấu trên thanh kim loại cửa phòng ngủ của mình. Đến ngày 01/02/2024, khi cơ quan công an đến làm việc thì T đã giao nộp số ma túy trên và bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho cơ quan công an. Tại Cơ quan Công an Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại kết luận giám định số: 40/KL-KTHS ngày 05/02/20024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K giám định tang vật: Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1.1) được niêm phong trong bì thư bằng giấy là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng là: 0,092 gam; Mẫu viên nén màu xanh (ký hiệu M1.2) được niêm phong trong bì thư bằng giấy là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng là: 0,052 gam; Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong trong bì bằng giấy là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng: 0,150 gam. Tổng khối lượng: 0,294 gam.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định việc truy tố đối với Phạm Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 12 tháng đến 14 tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải nộp án phí; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 05/02/20024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn T: Bị cáo rất ăn năn hối cải về việc làm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các tài liệu, chứng

cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T là người sử dụng trái phép chất ma túy, qua mối quan hệ xã hội, ngày 25/01/2024, T gặp một người tên thường gọi là Duy (chưa rõ nhân thân lai lịch) và được Duy cho hai gói ni lông chứa ma túy. Sau đó, T mang về cất giấu trên thanh kim loại của phòng ngủ của bị cáo tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng để sử dụng dần. Vào ngày 30/01/2024, T đã sử dụng một nửa viên ma túy tổng hợp màu xanh. Số ma túy còn lại bị cáo vẫn cất giấu trên thanh kim loại của phòng ngủ của mình. Đến ngày 01/02/2024, khi cơ quan công an đến làm việc thì bị cáo đã giao nộp số ma túy trên và bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho cơ quan công an. Tổng khối lượng ma túy là 0,294 gam, loại: Methamphetamine. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi của Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết rõ những hành vi như mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm. Mặc dù vậy, bị cáo vẫn tàng trữ ma túy nhằm mục đích để sử dụng thỏa mãn cho bản thân, bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Mặt khác, trước khi phạm tội trong vụ án này, vào ngày 25-9-2014 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ cùng nhân thân của bị cáo Phạm Văn T như đã phân tích, đánh giá ở trên, thấy rằng: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục người phạm tội, đồng thời cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không phải

chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải điều này được thể hiện khi công an đến chỗ ở kiểm tra khi chưa bị phát hiện, bị cáo đã thành thật và giao nộp toàn bộ số ma túy mình cất giữ và sau khi bị bắt bị cáo đã thành thật khai toàn bộ sự việc. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra Công an huyện Ng trong việc phát hiện một đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã được Công an huyện Ng xác nhận và cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối tượng mà T khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Văn T hiện nay thu nhập không ổn định, gia đình có hai con còn nhỏ, khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Nguồn gốc gói ma túy trong vụ án theo lời khai của Phạm Văn T, là do một người tên Duy quen biết ngoài xã hội cho, T không rõ nhân thân, lai lịch, Duy đã cho bị cáo ma túy mục đích để sử dụng. Tuy nhiên, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Duy, nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với người này.

[7] Đối với các hành vi liên quan:

Đối với chị Dương Thị Tình là vợ sinh sống cùng với Toàn trong ngôi nhà tại tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi. Việc Toàn cất giấu ma túy trong nhà để sử dụng dần thì chị Tình hoàn toàn không biết. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Dương Thị Tình trong vụ án trên.

Đối với chị Phan Thị Ng là chủ nhà cho Phạm Văn T thuê lại ngôi nhà số 261 đường Trần Hưng Đạo tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện Ng vào tháng 7/2023 và để T toàn quyền sử dụng ngôi nhà. Vậy nên, việc bị cáo T cất giấu ma túy trong nhà thì chị Ng hoàn toàn không biết. Do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Phan Thị Ng là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cùng với số ma túy, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm một chai nhựa có nắp màu xanh, được đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh trong suốt và một ống hút màu đen. Xét thấy: Số ma túy là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng

ma túy là các phương tiện, dụng cụ dùng trong việc phạm tội không còn có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01-02-2024 đến ngày 08-3-2024) vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì chứa mẫu vật sau khi trích giám định được niêm phong, mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 40/KL-KTHS”, tại các mép dán mặt sau có các dấu tròn ghi nội dung: “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH K” và các chữ ký ghi họ tên của Rơ Chăm Hậu, Phùng Văn Quế, (*mẫu vật là ma túy hoàn lại sau giám định là 0,138 gam, loại: Methamphetamine*); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm một chai nhựa có nắp màu xanh, được đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh trong suốt và một ống hút màu đen.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-5-2024 giữa Công an huyện Ng và chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội): Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:* Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12-6-2024), bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ng vắng mặt có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền và

nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Ng;
- CQĐT Ng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- TAND cấp cao ;
- TAND tối cao(vụ GĐKTI)
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh